

Số: 615/QĐ-CT397

Đông Triều, ngày 07 tháng 4 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Bản yêu cầu báo giá  
Gói thầu số 13: Tháo dỡ đường dây 35kV, di chuyển TBA 630kVA –  
35/0,69kVA, lắp đặt tủ tụ bù 690V sau TBA 630kVA**

**GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN 397**

*Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của chính phủ hướng dẫn thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Quy định số 102/QĐ-CT397 ngày 12/01/2023 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 về việc lựa chọn nhà cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty cổ phần 397;*

*Căn cứ Quyết định số 599/QĐ-CT397 ngày 06/4/2023 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Gói thầu số 13: Tháo dỡ đường dây 35kV, di chuyển TBA 630kVA – 35/0,69kVA, lắp đặt tủ tụ bù 690V sau TBA 630kVA;*

*Căn cứ Tờ trình ngày 07/4/2023 của Tổ chuyên gia về việc Phê duyệt bản yêu cầu báo giá Gói thầu số 13: Tháo dỡ đường dây 35kV, di chuyển TBA 630kVA – 35/0,69kVA, lắp đặt tủ tụ bù 690V sau TBA 630kVA,*

*Theo đề nghị của Tổ trưởng Tổ chuyên gia.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung Bản yêu cầu báo giá: Gói thầu số 13: Tháo dỡ đường dây 35kV, di chuyển TBA 630kVA – 35/0,69kVA, lắp đặt tủ tụ bù 690V sau TBA 630kVA. Với nội dung chi tiết tại Bản yêu cầu báo giá kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Giao cho Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định và các cơ quan liên quan có chức năng, năng lực thực hiện các nội dung nêu tại **Điều 1** đảm bảo đúng quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định ./.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch HĐQT (b/c);
- Ban giám đốc (c/d);
- Như điều 3 (t/h);
- Lưu: VT, TCG, TTĐ.M06.

*[Handwritten signature]*



**GIÁM ĐỐC**

**Kiều Văn Sinh**

*[Handwritten signature]*

**CÔNG TY CỔ PHẦN 397**

**BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ**

**Tên gói thầu: Tháo dỡ đường dây 35kV, di chuyển TBA 630kVA –  
35/0,69kVA, lắp đặt tủ tụ bù 690V sau TBA 630kVA**

**Gói thầu số: 13**

**Kế hoạch: Tháo dỡ đường dây 35kV, di chuyển TBA 630kVA – 35/0,69kVA,  
lắp đặt tủ tụ bù 690V sau TBA 630kVA**

**Phát hành ngày: 07/4/2023**

**Ban hành kèm theo Quyết định: 615/QĐ-CT397 ngày 07/4/2023**

**BÊN MỜI THẦU  
GIÁM ĐỐC**



**Kiều Văn Sinh**

## TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Bên mời thầu	Công ty cổ phần 397
Kế hoạch	Tháo dỡ đường dây 35kV, di chuyển TBA 630kVA – 35/0,69kVA, lắp đặt tủ tụ bù 690V sau TBA 630kVA
Luật đấu thầu	Luật đấu thầu số 43/2013/QH13
Nghị định 63/CP	Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu

## **Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ**

### **Mục 1. Khái quát**

1. Tên bên mời thầu là: Công ty Cổ phần 397
2. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh rút gọn (nộp báo giá) Gói thầu số 13: Tháo dỡ đường dây 35kV, di chuyển TBA 630kVA – 35/0,69kVA, lắp đặt tủ tụ bù 690V sau TBA 630kVA.  
Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.

3. Loại hợp đồng: Trọn gói.

### **Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu**

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
6. Đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
7. Nhà thầu có tư cách hợp lệ đáp ứng đầy đủ các tiêu chí 1,2,3,4,5,6 Mục 2 này được tham dự thầu với tư cách độc lập hoặc liên danh; trường hợp liên danh phải có văn bản thỏa thuận giữa các thành viên, trong đó nêu rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm riêng của từng thành viên trong liên danh.

### **Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá**

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu 02a, Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà

thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

#### **Mục 4. Thành phần báo giá**

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo mẫu tại Chương III;
2. Biểu giá theo Mẫu số 02, Mẫu số 02a, Mẫu số 02b, Mẫu số 03, Mẫu số 03a, Mẫu số 03b, Mẫu số 03c Chương III;
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao);
4. Bản xác nhận đăng ký thông tin trên hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia.

#### **Mục 5. Thời hạn hiệu lực của báo giá**

Thời gian có hiệu lực của báo giá là 20 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

#### **Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá**

1. Nhà thầu phải nộp báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử hoặc fax về địa chỉ: Công ty Cổ phần 397, khu Yên Lãng 1, phường Yên Thọ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, TEL: 0203.2211.329- FAX: 0203.871.299 không muộn hơn 09 giờ 00 ngày 13/4/2023. Các báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

#### **Mục 7. Điều kiện xét duyệt trúng thầu**

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

#### **Mục 8. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu**

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng

theo đường bưu điện, fax và được đăng tải trên website của Công ty cổ phần 397 tại địa chỉ <https://congtycophan397.com.vn>

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

#### **Mục 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng như sau: giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 2% giá trị hợp đồng, bằng tiền mặt hoặc thư bảo lãnh ngân hàng.

#### **Mục 10. Giải quyết kiến nghị**

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII của Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

## Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

### Bảng số 1. Yêu cầu cung cấp vật tư, hàng hóa, dịch vụ

Nhà thầu phải thi công Tháo dỡ đường dây 35kV, di chuyển TBA 630kVA – 35/0,69kVA, lắp đặt tủ tụ bù 690V sau TBA 630kVA theo yêu cầu của Bên mời thầu trong vòng 10 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

#### \* Yêu cầu khác

TT	Nội dung	Yêu cầu
1	Thời gian thực hiện	Ngay sau khi hợp đồng được ký kết giữa hai bên có hiệu lực.
2	Tiến độ thực hiện	Trong vòng 10 ngày kể từ ngày hợp đồng được ký kết giữa hai bên có hiệu lực.
3	Địa điểm thi công	Khu mỏ Nam Trảng Bạch - Công ty Cổ phần 397, Phường Hoàng Quế, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
4	Thời gian thanh toán	Thanh toán 100% giá trị hợp đồng trong vòng 15 ngày kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao công trình.
5	Chất lượng công trình	Đảm bảo yêu cầu về kỹ, mỹ thuật và an toàn điện.
6	Bảo hành	Đề nghị nhà thầu nêu rõ thời gian bảo hành đối với công trình.

Các nhà thầu phải đáp ứng được tất cả các yêu cầu nêu trên thì mới được đánh giá là đạt.

## Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

### ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: \_\_\_\_\_ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Tên kế hoạch: \_\_\_\_\_ [Ghi tên kế hoạch]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số \_\_\_\_\_ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, \_\_\_\_\_ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là \_\_\_\_\_ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là \_\_\_\_\_ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian \_\_\_\_\_ ngày, kể từ ngày \_\_\_\_\_ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Giá chào</b>
1	Hàng hoá	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
<b>Tổng cộng giá chào</b> <i>(Kết chuyển sang đơn chào hàng)</i>		<b>(M) + (I)</b>

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**  
*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ HẠNG MỤC**

**CÔNG TRÌNH: THÁO DỖ ĐƯỜNG DÂY 35kV VÀ DI CHUYỂN TRẠM BIẾN ÁP 630kVA, LẮP ĐẶT TỦ TỤ BÙ 690V**  
**HẠNG MỤC: LẮP ĐẶT ĐIỆN**

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ	KÝ HIỆU
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP			
1	Chi phí vật liệu	VLHT		
	- Đơn giá vật liệu	Theo bảng tổng hợp vật liệu		
2	Chi phí nhân công	NCHT		
	- Đơn giá nhân công	Theo bảng tổng hợp nhân công		
3	Chi phí máy thi công	MHT		
	- Đơn giá máy thi công	Theo bảng tổng hợp máy thi công		
	Chi phí trực tiếp	VL + NC + M		
II	CHI PHÍ GIÁN TIẾP			
1	Chi phí chung	T x 5,5%		
2	Chi phí nhà tạm ở và điều hành thi công	T x 1,1%		
3	Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	T x 2%		
	Chi phí gián tiếp	C + LT + TT		
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	(T + GT) x 5,5%		
	Chi phí xây dựng trước thuế	T + GT + TL		
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	G x 10%		
	Chi phí xây dựng sau thuế	G + GTGT		
	Tổng cộng	Gxd		
<b>Tổng cộng giá chào của hàng hoá dịch vụ đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) (Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</b>				

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU**

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ THI CÔNG**

Gói thầu số 13: Tháo dỡ đường dây 35kV, di chuyển TBA 6340kVA-35/0,69kV, lắp đặt tủ tụ bù 690V sau TBA 630kVA

STT	Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1		Tháo dỡ cột bê tông. Chiều cao cột <= 12m. Bề ngang kết hợp thủ công	1 cột	2,0000		
2		Tháo dỡ cột bê tông. Chiều cao cột <= 18m. Bề ngang kết hợp thủ công	1 cột	8,0000		
3		Phá dỡ kết cấu bê tông có cốt thép bằng máy khoan bê tông 1,5kW	m3	18,0000		
4		Tháo dỡ xà, chụp đầu cột. Trọng lượng xà 100kg. Thay xà thép cột đỡ	1 bộ	10,0000		
5		Tháo dỡ các loại cách điện đứng trung thế, thay trên cột, 35kV, cột tròn	10 cách điện	5,4000		
6		Tháo dỡ cách điện polymer/ composite/ silicon đỡ đơn dây dẫn trên cột thép sắt. điện áp <=35kV. Chiều cao lắp chuỗi <= 20m	bộ cách điện	6,0000		
7		Tháo dỡ dây bằng thủ công kết hợp cơ giới (sử dụng cáp môi). Dây nhôm lõi thép (AC, ACSR, AACSR,...). Tiết diện dây <= 70mm <sup>2</sup>	1km/1 dây	1,6380		
8		Ca cầu tháo hạ, thu hồi, di chuyển lắp đặt TBA tại vị trí mới	trọn bộ	1,0000		
9		Tủ tụ bù 690V trọn bộ lắp cho trạm 630kVA	tủ	1,0000		
10		Lắp đặt tủ điện hạ áp, loại tủ điện xoay chiều 3pha	1 tủ	1,0000		
11		Tháo hạ, thu hồi, vận chuyển, di chuyển lắp đặt TBA tại vị trí mới	trọn bộ	1,0000		
<b>Tổng cộng giá chào của hàng hoá dịch vụ đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) (Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</b>						

**BẢNG ĐƠN GIÁ CHI TIẾT**

Gói thầu số 13: Tháo dỡ đường dây 35kV, di chuyển TBA 6340kVA-35/0,69kV, lắp đặt tủ bù 690V sau TBA 630kVA

STT	Mã hiệu đơn giá	Mã hiệu VL, NC, M	Tên công tác	Đơn vị	Định mức	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền
1			Tháo dỡ cột bê tông. Chiều cao cột <= 12m. Bằng cầu kết hợp thủ công	1 cột				
			<i>Vật liệu</i>					
			- Sơn	kg				
			- Gõ kê	m3				
			<i>Nhân công</i>					
			- Nhân công bậc 3,5/7 - Nhóm 5	công				
			<i>Máy thi công</i>					
			- Cần cẩu bánh hơi 10T	ca				
			<b>Chi phí trực tiếp (VL + NC + M)</b>	T				
			Chi phí chung (T x 5,5%)	C				
			Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công (T x 1,1%)	LT				
			Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế (T x 2%)	TT				
			<b>Chi phí gián tiếp (C + LT + TT)</b>	GT				
			<b>THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC ((T + GT) x 5,5%)</b>	TL				
			<b>Chi phí xây dựng trước thuế (T + GT + TL)</b>	G				
			<b>THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (G x 10%)</b>	GTGT				
			<b>Chi phí xây dựng sau thuế (G + GTGT)</b>	Gxd				
			<b>Tổng công (Gxd)</b>					
2			Tháo dỡ cột bê tông. Chiều cao cột <= 18m. Bằng cầu kết hợp thủ công	1 cột				
			<i>Vật liệu</i>					
			- Sơn	kg				
			- Gõ kê	m3				
			<i>Nhân công</i>					
			- Nhân công bậc 3,5/7 - Nhóm 5	công				

STT	Mã hiệu đơn giá	Mã hiệu VL, NC, M	Tên công tác	Đơn vị	Định mức	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền
			<b>Máy thi công</b>					
			- Cần cẩu bánh hơi 25T	ca				
			<b>Chi phí trực tiếp (VL + NC + M)</b>	T				
			Chi phí chung (T x 5,5%)	C				
			Chi phí nhà tạm đề ở và điều hành thi công (T x 1,1%)	LT				
			Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế (T x 2%)	TT				
			<b>Chi phí gián tiếp (C + LT + TT)</b>	GT				
			THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC ((T + GT) x 5,5%)	TL				
			<b>Chi phí xây dựng trước thuế (T + GT + TL)</b>	G				
			THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (G x 10%)	GTGT				
			<b>Chi phí xây dựng sau thuế (G + GTGT)</b>	Gxd				
			<b>Tổng cộng (Gxd)</b>					
3			<b>Phá dỡ kết cấu bê tông có cốt thép bằng máy khoan bê tông 1,5kW</b>	m3				
			<b>Vật liệu</b>					
			- Que hàn	kg				
			<b>Nhân công</b>					
			- Nhân công bậc 3,0/7 - Nhóm 1	công				
			<b>Máy thi công</b>					
			- Biến thế hàn xoay chiều - công suất: 23 kW	ca				
			- Máy khoan bê tông cầm tay - công suất: 1,50 kW	ca				
			<b>Chi phí trực tiếp (VL + NC + M)</b>	T				
			Chi phí chung (T x 5,5%)	C				
			Chi phí nhà tạm đề ở và điều hành thi công (T x 1,1%)	LT				
			Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế (T x 2%)	TT				
			<b>Chi phí gián tiếp (C + LT + TT)</b>	GT				
			THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC ((T + GT) x 5,5%)	TL				
			<b>Chi phí xây dựng trước thuế (T + GT + TL)</b>	G				
			THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (G x 10%)	GTGT				

STT	Mã hiệu đơn giá	Mã hiệu VL, NC, M	Tên công tác	Đơn vị	Định mức	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền
			Chi phí xây dựng sau thuế (G + GTGT)	Gxd				
			Tổng cộng (Gxd)					
4			Tháo dỡ xà, chụp đầu cột. Trọng lượng xà 100kg. Thay xà thép cột đỡ.	1 bộ				
			<i>Nhân công</i>					
			- Nhân công bậc 3,5/7 - Nhóm 5	công				
			<b>Chi phí trực tiếp (VL + NC + M)</b>	T				
			Chi phí chung (T x 5,5%)	C				
			Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công (T x 1,1%)	LT				
			Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế (T x 2%)	TT				
			<b>Chi phí gián tiếp (C + LT + TT)</b>	GT				
			THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC ((T + GT) x 5,5%)	TL				
			<b>Chi phí xây dựng trước thuế (T + GT + TL)</b>	G				
			THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (G x 10%)	GTGT				
			<b>Chi phí xây dựng sau thuế (G + GTGT)</b>	Gxd				
			Tổng cộng (Gxd)					
5			Tháo dỡ các loại cách điện đứng trung thế, thay trên cột, 35KV, cột tròn	10 cách điện				
			<i>Vật liệu</i>					
			- Cột công nghiệp	kg				
			- Giẻ lau	kg				
			<i>Nhân công</i>					
			- Nhân công bậc 3,5/7 - Nhóm 5	công				
			<b>Chi phí trực tiếp (VL + NC + M)</b>	T				
			Chi phí chung (T x 5,5%)	C				
			Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công (T x 1,1%)	LT				
			Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế (T x 2%)	TT				
			<b>Chi phí gián tiếp (C + LT + TT)</b>	GT				
			THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC ((T + GT) x 5,5%)	TL				

STT	Mã hiệu đơn giá	Mã hiệu VL, NC, M	Tên công tác	Đơn vị	Định mức	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền
			Chi phí xây dựng trước thuế (T + GT + TL)	G				
			THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (G x 10%)	GTGT				
			Chi phí xây dựng sau thuế (G + GTGT)	Gxd				
			Tổng cộng (Gxd)					
6			Tháo dỡ cách điện polymer/ composite/ silicon đỡ đơn dây dẫn trên cột thép sắt. điện áp <=35kV. Chiều cao lấp chuỗi <= 20m	bộ cách điện				
			<i>Vật liệu</i>					
			- Giẻ lau	kg				
			- Cờn công nghiệp	kg				
			<i>Nhân công</i>					
			- Nhân công bậc 4,0/7 - Nhóm 5	công				
			<b>Chi phí trực tiếp (VL + NC + M)</b>	T				
			Chi phí chung (T x 5,5%)	C				
			Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công (T x 1,1%)	LT				
				TT				
			Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế (T x 2%)					
			<b>Chi phí gián tiếp (C + LT + TT)</b>	GT				
			THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC ((T + GT) x 5,5%)	TL				
			<b>Chi phí xây dựng trước thuế (T + GT + TL)</b>	G				
			THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (G x 10%)	GTGT				
			Chi phí xây dựng sau thuế (G + GTGT)	Gxd				
			Tổng cộng (Gxd)					
7			Tháo dỡ dây bằng thủ công kết hợp cơ giới (sử dụng cáp môi). Dây nhôm lõi thép (AC, ACSR, AACSR,...). Tiết diện dây <= 70mm <sup>2</sup>	1km/1 dây				
			<i>Vật liệu</i>					
			- Puly nhôm	cái				
			- Cáp thép d=10mm	kg				
			<i>Nhân công</i>					
			- Nhân công bậc 4,5/7 - Nhóm 5	công				
			<i>Máy thi công</i>					
			- Tời máy 5 tấn	ca				

STT	Mã hiệu đơn giá	Mã hiệu VL, NC, M	Tên công tác	Đơn vị	Định mức	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền
			- Máy rải dây	ca				
			<b>Chi phí trực tiếp (VL + NC + M)</b>	T				
			Chi phí chung (T x 5,5%)	C				
			Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công (T x 1,1%)	LT				
			Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế (T x 2%)	TT				
			<b>Chi phí gián tiếp (C + LT + TT)</b>	GT				
			THU NHẬP CHIU THUẾ TÍNH TRƯỚC ((T + GT) x 5,5%)	TL				
			<b>Chi phí xây dựng trước thuế (T + GT + TL)</b>	G				
			THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (G x 10%)	GTGT				
			<b>Chi phí xây dựng sau thuế (G + GTGT)</b>	Gxd				
			<b>Tổng cộng (Gxd)</b>					
8			<b>Ca cấu tháo hạ, thu hồi, di chuyển lắp đặt TBA tại vị trí mới</b>	trọn bộ				
			<i>Vật liệu</i>					
			- Đơn giá vật liệu	trọn bộ				
			<b>Chi phí trực tiếp (VL + NC + M)</b>	T				
			Chi phí chung (T x 5,5%)	C				
			Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công (T x 1,1%)	LT				
			Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế (T x 2%)	TT				
			<b>Chi phí gián tiếp (C + LT + TT)</b>	GT				
			THU NHẬP CHIU THUẾ TÍNH TRƯỚC ((T + GT) x 5,5%)	TL				
			<b>Chi phí xây dựng trước thuế (T + GT + TL)</b>	G				
			THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (G x 10%)	GTGT				
			<b>Chi phí xây dựng sau thuế (G + GTGT)</b>	Gxd				
			<b>Tổng cộng (Gxd)</b>					
9			<b>Tủ tủ bù 690V trọn bộ lắp cho trạm 630kVA</b>	tủ				
			<i>Vật liệu</i>					
			- Đơn giá vật liệu	tủ				
			<b>Chi phí trực tiếp (VL + NC + M)</b>	T				

STT	Mã hiệu đơn giá	Mã hiệu VL, NC, M	Tên công tác	Đơn vị	Định mức	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền
			Chi phí chung (T x 5,5%)	C				
			Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công (T x 1,1%)	LT				
			Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế (T x 2%)	TT				
			<b>Chi phí gián tiếp (C + LT + TT)</b>	<b>GT</b>				
			THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC ((T + GT) x 5,5%)	TL				
			<b>Chi phí xây dựng trước thuế (T + GT + TL)</b>	<b>G</b>				
			THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (G x 10%)	GTGT				
			<b>Chi phí xây dựng sau thuế (G + GTGT)</b>	<b>Gxd</b>				
			<b>Tổng cộng (Gxd)</b>					
10			Lắp đặt tủ điện hạ áp, loại tủ điện xoay chiều 3pha	1 tủ				
			<b>Vật liệu</b>					
			- Gỗ kê	m3				
			- Giẻ lau	kg				
			- Xi măng	kg				
			- Côn công nghiệp	kg				
			- Vật liệu khác	%				
			<b>Nhân công</b>					
			- Nhân công bậc 4,5/7 - Nhóm 2	công				
			<b>Máy thi công</b>					
			- Xe nâng hàng 2T	ca				
			<b>Chi phí trực tiếp (VL + NC + M)</b>	<b>T</b>				
			Chi phí chung (T x 5,5%)	C				
			Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công (T x 1,1%)	LT				
			Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế (T x 2%)	TT				
			<b>Chi phí gián tiếp (C + LT + TT)</b>	<b>GT</b>				
			THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC ((T + GT) x 5,5%)	TL				
			<b>Chi phí xây dựng trước thuế (T + GT + TL)</b>	<b>G</b>				
			THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (G x 10%)	GTGT				

STT	Mã hiệu đơn giá	Mã hiệu VL, NC, M	Tên công tác	Đơn vị	Định mức	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền
			Chi phí xây dựng sau thuế (G + GTGT) Tổng cộng (Gxd)	Gxd				
11			Tháo hạ, thu hồi, vận chuyển, di chuyển lắp đặt TBA tại vị trí mới <i>Nhân công</i> - Đơn giá nhân công	trọn bộ				
			Chi phí trực tiếp (VL + NC + M)	T				
			Chi phí chung (T x 5,5%)	C				
			Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công (T x 1,1%)	LT				
			Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế (T x 2%)	TT				
			Chi phí gián tiếp (C + LT + TT)	GT				
			THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC ((T + GT) x 5,5%)	TL				
			Chi phí xây dựng trước thuế (T + GT + TL)	G				
			THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (G x 10%)	GTGT				
			Chi phí xây dựng sau thuế (G + GTGT) Tổng cộng (Gxd)	Gxd				
<b>Tổng cộng giá chào của hàng hoá dịch vụ đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) (Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</b>								

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU**

Mẫu 03a

## BẢNG CHI TIẾT ĐƠN GIÁ VẬT LIỆU

(Theo giá thông báo quý 4 năm 2022)

Gói thầu số 13: Tháo dỡ đường dây 35kV, di chuyển TBA 6340kVA-35/0,69kV, lắp đặt tủ tụ bù 690V sau TBA 630kVA

STT	Mã hiệu	Tên vật tư	Đơn vị	Khối lượng	Giá hiện tại đến chân công trình
1		Ca cấu tháo hạ, thu hồi, di chuyển lắp đặt TBA tại vị trí mới	trọn bộ		
2		Cáp thép d=10mm	kg		
3		Côn công nghiệp	kg		
4		Côn công nghiệp	kg		
5		Giẻ lau	kg		
6		Giẻ lau	kg		
7		Gỗ kê	m3		
8		Gỗ kê	m3		
9		Puly nhôm	cái		
10		Que hàn	kg		
11		Sơn	kg		
12		Tủ tụ bù 690V trọn bộ lắp cho trạm 630kVA	tủ		
13		Xi măng	kg		
14		Vật liệu khác	%		
<b>Tổng cộng giá chào của hàng hoá dịch vụ đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) (Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</b>					

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

**BẢNG CHI TIẾT ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG**

Gói thầu số 13: Tháo dỡ đường dây 35kV, di chuyển TBA 6340kVA-35/0,69kV, lắp đặt tủ tụ bù 690V sau TBA 630kVA

STT	Mã hiệu	Tên vật tư	Đơn vị	Khối lượng	Giá hiện tại
1		Nhân công bậc 3,0/7 - Nhóm 1	công		
2		Nhân công bậc 3,5/7 - Nhóm 5	công		
3		Nhân công bậc 4,0/7 - Nhóm 5	công		
4		Nhân công bậc 4,5/7 - Nhóm 2	công		
5		Nhân công bậc 4,5/7 - Nhóm 5	công		
6		Tháo hạ, thu hồi, vận chuyển, di chuyển lắp đặt TBA tại vị trí mới	trọn bộ		
<b>Tổng cộng giá chào của hàng hoá dịch vụ đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) (Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</b>					

Mẫu 03c

## BẢNG CHI TIẾT ĐƠN GIÁ MÁY THI CÔNG

Gói thầu số 13: Tháo dỡ đường dây 35kV, di chuyển TBA 6340kVA-35/0,69kV, lắp đặt tủ bù 690V sau TBA 630kVA

### HẠNG MỤC: LẮP ĐẶT ĐIỆN

STT	Mã hiệu	Tên vật tư	Đơn vị	Khối lượng	Giá hiện tại
1		Biển thép hàn xoay chiều - công suất: 23 kW	ca		
2		Cần cầu bánh hơi 10T	ca		
3		Cần cầu bánh hơi 25T	ca		
4		Máy khoan bê tông cầm tay - công suất: 1,50 kW	ca		
5		Máy rải dây	ca		
6		Tời máy 5 tấn	ca		
7		Xe nâng hàng 2T	ca		
<b>Tổng cộng giá chào của hàng hoá dịch vụ đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) (Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</b>					

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

## Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Hợp đồng số: \_\_\_\_\_

Gói thầu: \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc kế hoạch: \_\_\_\_\_ [Ghi tên kế hoạch]

- Căn cứ<sup>(1)</sup> \_\_\_\_ [Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015];

- Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13];

- Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP];

- Căn cứ \_\_\_\_ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu \_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] của \_\_\_\_ [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu ký ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

**Bên mời thầu (sau đây gọi là Bên A)**

Bên mời thầu [Ghi tên bên mời thầu]: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (trường hợp được ủy quyền).

**Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)**

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

**Điều 1: Nội dung công việc**

Bên A giao cho Bên B thi công công trình: “ Tháo dỡ đường dây 35kV, di chuyển TBA 630kVA – 35/0,69kV, lắp đặt tủ tụ bù 690V phía sau TBA 630kV tại Mỏ Nam Tràng Bạch - Công ty cổ phần 397 " theo đúng nội dung hồ sơ chào giá đã được phê duyệt.

- Địa điểm: Khai trường mỏ Nam Tràng Bạch – Công ty Cổ phần 397, phường Hoàng Quế, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

**Điều 2. Thành phần hợp đồng**

- Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:
- 1. Văn bản hợp đồng;
- 2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- 3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
- 4. Bản báo giá;
- 5. Bản yêu cầu báo giá;

**Điều 3: Chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật**

- Phải thực hiện theo đúng thiết kế được phê duyệt; Bảo đảm sự ổn định cường độ dòng điện trong quá trình hoạt động của trạm biến áp.

**Điều 4: Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng**

- Ngay sau khi hợp đồng được ký kết giữa hai bên có hiệu lực.
- Thời gian hoàn thành: Trong vòng 10 ngày kể từ ngày hợp đồng được ký kết giữa hai bên có hiệu lực.

**Điều 5: Điều kiện nghiệm thu, bảo hành công trình.**

- Tuân theo các quy định về quản lý chất lượng xây dựng công trình.
- Đảm bảo các yêu cầu về nguyên tắc, nội dung, đảm bảo an toàn khi sử dụng.
- Bên thi công lắp đặt có trách nhiệm thực hiện bảo hành công trình sau khi bàn giao cho bên A. Nội dung bảo hành công trình bao gồm khắc phục, sửa chữa khiếm khuyết hoặc khi công trình đưa vào sử dụng không bình thường do lỗi của nhà thầu gây ra.
- Bên B không chịu trách nhiệm bảo hành do vận hành không đúng quy trình quy phạm, các sự kiện bất khả kháng như Động đất, bão lụt, lốc, lở đất, hoả hoạn và các thảm hoạ chưa lường trước được.
- Thời gian bảo hành công trình: 12 tháng kể từ khi đóng điện.

**Điều 6 : Loại hợp đồng, giá trị Hợp đồng.**

6.1 Loại hợp đồng: Trọn gói

<sup>2</sup> Cập nhật văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

## 6.2 Giá trị hợp đồng:

- Tổng giá trị hợp đồng: đồng (đã bao gồm thuế VAT)  
Bằng chữ: ./.

### **Điều 7. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Đặt cọc (bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản) hoặc thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng được ký kết;

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: đồng (Bằng chữ: ./.)

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: trong vòng 10 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

- Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A; bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

### **Điều 8: Thanh toán hợp đồng**

#### 6.1 Thanh toán hợp đồng:

- Phương thức thanh toán: Thanh toán 100% giá trị hợp đồng trong vòng 15 ngày kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao công trình.

#### 6.2 Hình thức thanh toán:

- Chuyển khoản.

#### 6.3 Đồng tiền thanh toán:

- Đồng tiền áp dụng để thanh toán: Tiền Việt Nam.

### **Điều 9: Tranh chấp và giải quyết tranh chấp**

- Trong trường hợp có gì vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên nỗ lực tối đa chủ động bàn bạc để tháo gỡ và thương lượng giải quyết.

- Trường hợp không đạt được thoả thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp thông qua hoà giải, trọng tài hoặc toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **Điều 10: Trách nhiệm của bên A**

- Bàn giao mặt bằng thi công đã giải phóng mặt bằng cho bên B.

- Phối hợp với bên B giải quyết các thủ tục liên quan đến cấp điện, nghiệm thu đấu nối đóng điện.

- Bên A cam kết thanh toán cho bên B giá trị hợp đồng nêu tại Điều 6 và hình thức thanh toán tại Điều 8 của hợp đồng này theo phương thức được quy định trong điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

### **Điều 11 : Trách nhiệm của bên B**

- Bên B cam kết thực hiện công việc theo nội dung đã ghi tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

- Tổ chức thực hiện thi công, lắp đặt đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, mỹ thuật, chất lượng và tiến độ đã được phê duyệt.

- Chịu trách nhiệm toàn bộ về các vấn đề an toàn lao động.

**Điều 12: Điều khoản chung.**

12.1– Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản ghi trong hợp đồng. Nếu bên nào đơn phương thay đổi hoặc huỷ bỏ hợp đồng gây ra thiệt hại về kinh tế thì phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

12.2 – Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu gặp khó khăn trở ngại, hai bên sẽ phối hợp giải quyết trên tinh thần hợp tác.

12.3 – Hiệu lực hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực kể từ khi ký kết.

12.4 – Sau 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày các bên hoàn thành hết nghĩa vụ hợp đồng với nhau thì hợp đồng này tự động thanh lý.

12.5 – Hợp đồng được lập thành 04 bộ có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bộ, Bên B giữ 02 bộ.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA  
NHÀ THẦU**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng  
dấu]*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA  
BÊN MỜI THẦU**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng  
dấu]*

## MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG<sup>(1)</sup>

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [Ghi tên bên mời thầu]

(sau đây gọi là bên mời thầu)

Theo đề nghị của \_\_\_\_ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu \_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hoá cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);<sup>(2)</sup>

Theo quy định trong bản yêu cầu báo giá (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho bên mời thầu bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_ [Ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_ [Ghi địa chỉ của ngân hàng<sup>(3)</sup>] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là \_\_\_\_ [Ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho bên mời thầu bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn \_\_\_\_ [Ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của bên mời thầu thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_<sup>(4)</sup>.

### Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

### Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì bên mời thầu sẽ báo cáo chủ đầu tư/bên mời thầu xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của \_\_\_\_ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu \_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số \_\_\_\_ [Ghi số hợp đồng] ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.